

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 585/2022/HC-PT

Ngày 03 tháng 8 năm 2022.

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính về quản lý nhà nước trong lĩnh  
vực đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 138/2017/TLPT-HC ngày 02 tháng 06 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1040/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Dương Bé S (Dương Thị Bé S), sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh B.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Lâm Quốc T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 35 lô 13 khu tái Định Cư, khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh B.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh B (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh B (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

4. Do có kháng nghị của: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/01/2017 và lời khai của ông Lâm Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Bé S trình bày: Năm 1987 bà Dương Bé S và chồng là ông Bùi Văn H có khai phá khu đất trống bỏ hoang tại khu 1A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh B với diện tích 1.075m<sup>2</sup> để sử dụng cất nhà ở, trồng trọt và đào ao nuôi cá. Năm 1993, ông Bùi Văn H chồng bà Dương Bé S làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M1500791 ký ngày 25/7/1998 theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 27/8/1997 do bà Dương Bé S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất được cấp diện tích 1.075m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất thổ cư, 775m<sup>2</sup> đất vườn tạp) tại thửa số 271, tờ bản đồ số 06. Vợ chồng bà sử dụng đất liên tục, ổn định và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Đến năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện H (Viết tắt UBND huyện H) thu hồi toàn bộ phần đất diện tích 1.075m<sup>2</sup> để san lấp làm khu dân cư, phân lô bán nền cho cán bộ cất nhà ở, nhưng UBND huyện H không ra quyết định thu hồi, không bồi thường đất và tài sản trên đất cho bà. Nên bà Dương Bé S đã khiếu nại đến UBND huyện H.

Đến ngày 03/3/2006, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, giao cho bà phần đất diện tích 120,4m<sup>2</sup> nhưng phải nộp tiền sử dụng đất, phần diện tích 954,6m<sup>2</sup> còn lại và tài sản thì không bồi thường, nên bà tiếp tục khiếu nại thì được Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 có nội dung bác khiếu nại của bà, giữ nguyên Quyết định số 107/QĐ-UBND, bà Dương Bé S tiếp tục khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (Viết tắt Chủ tịch UBND tỉnh B) ban hành Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 với nội dung giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với phần diện tích 120,4m<sup>2</sup>, phần diện tích còn lại 954,6m<sup>2</sup> không được bồi thường.

Không đồng ý Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh B nên bà khởi kiện Quyết định số 2980/QĐ-UBND tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 30/9/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 10/2013/QĐST-HC, với lý do bà rút đơn khởi kiện, trong khi bà không có đơn cũng như không có lời khai xin rút đơn khởi kiện, bà đã khiếu nại quyết định đình chỉ việc giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đến Tòa án nhân dân tối cao. Trong thời gian chờ Tòa án nhân dân tối cao giải quyết thì ngày 19/12/2013 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà về việc đòi bồi thường toàn bộ diện tích 1.075m<sup>2</sup>. Giao cho bà phần đất diện tích 120,4m<sup>2</sup> không thu tiền sử dụng đất.

Nay bà Dương Bé S yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của ạc Liêu và hủy Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H.

- *Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có ông Huỳnh Minh U đại diện trình bày:* Nguồn gốc phần đất của ông Bùi Văn H, bà Dương Bé S trước năm 1975 là khu căn cứ quân sự của chế độ Sài Gòn để lại, sau năm 1975 thị trấn N huy động nhân dân phá dỡ dây kẽm làm sân bóng đá, bệnh viện và sau đó làm khu hành chính của huyện H. Đến năm 2000, huyện H được tách thành huyện H và huyện Phước Long thì khu hành chính đó trở thành khu hành chính của huyện H hiện nay.

Trong thời gian Ủy ban nhân dân thị trấn N (Viết tắt UBND thị trấn N) quản lý, sử dụng phần đất này thì có cho ông Bùi Văn H mượn một phần đất để cất nhà ở tạm, khi cho ông Bùi Văn H mượn đất không làm giấy tờ. Do khu đất cho ông Bùi Văn H, bà Dương Bé S mượn nằm trong khu quy hoạch tổng thể của UBND huyện H, năm 2002 thì UBND huyện H thu hồi để san lấp phân lô, sắp xếp bố trí và bán nền cho cán bộ của huyện. Bà Dương Bé S cho rằng phần đất này của vợ chồng bà khai phá là không có cơ sở vì đây là đất nội ô không có đất hoang để khai phá. Khi cho ông Bùi Văn H mượn đất không làm giấy tờ nhưng qua xác minh một số cán bộ lãnh đạo của UBND thị trấn N thời điểm cho mượn đất nay đã về hưu thì có cơ sở khẳng định phần đất bà Dương Bé S yêu cầu do ông Bùi Văn H chồng bà Dương Bé S mượn của UBND thị trấn N. Việc UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Bé S ngày 25/7/1998 là trái quy định của pháp luật, không đúng thẩm quyền. Do vậy, UBND huyện H thu hồi phần đất của bà Dương Bé S không bồi thường là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H có ông Phan Thanh D đại diện trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1975 chế độ cũ sử dụng làm trại đóng quân Tiểu đoàn 431. Sau năm 1975 chính quyền cách mạng quản lý, sử dụng làm Trại Y tế và trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn N. Năm 1985, ông Bùi Văn H chồng của bà Dương Bé S là cán bộ Văn phòng UBND thị trấn N hỏi mượn một phần đất do UBND thị trấn N đang quản lý để cất nhà ở, khi cho mượn đất không làm giấy tờ và cũng không có nói diện tích cụ thể. Đến năm 1997, bà Dương Bé S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn H diện tích 1.075m<sup>2</sup> tại thửa số 271, tờ bản đồ số 06. Do phần diện tích 954,6m<sup>2</sup> tại thửa số 271, tờ bản đồ số 06 có nguồn gốc không phải do gia đình bà Dương Bé S khai phá mà do Ủy ban nhân dân thị trấn N quản lý từ sau năm 1975 và thực tế vợ chồng bà Dương Bé S không sử dụng phần đất này, nên năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện H san lấp, phân lô giao, bán nền cho cán bộ và hộ gia đình sử dụng theo quy định của Luật đất đai. Do đó bà Dương Bé S yêu cầu bồi thường giá trị đất của bà là không phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng diện tích 120,4m<sup>2</sup> tại thửa số 114, tờ bản đồ số 42, ấp N, thị trấn N trước đây là một phần của thửa số 271, tờ bản đồ số 06 hiện do bà Dương Bé S quản lý, sử dụng cất nhà ở nên UBND huyện H tiếp tục giao cho bà Dương Bé S quản lý, sử dụng không thu tiền sử dụng đất là phù hợp.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:*

Áp dụng các Điều 30, 32, 53, 55, 60, 115, 116, 156, 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Luật khiếu nại năm 2011; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí,

lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bé S (Dương Thị Bé S) khởi kiện Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đòi bồi thường giá trị phần đất diện tích 954,6m<sup>2</sup> và tài sản trên đất bị thu hồi.

Hủy mục 1, mục 3 Điều 1, Điều 3 của Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 19/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh B.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/4/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định kháng nghị số 01/KN-VKS-HC đối với bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng xác định Ủy ban nhân dân huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND Ngày 19/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H; bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bé S đối với Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc đề nghị xác định Ủy ban nhân dân huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và đề nghị đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND Ngày 19/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H. Do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Luật tố tụng hành chính. Giữ nguyên phần kháng nghị theo hướng đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công cụ theo quy định của pháp luật.

- Người khởi kiện Dương Bé S vắng mặt.

- Người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Kiểm sát viên đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Quyết định số 16/2020/QĐ-PT Ngày 17/7/20220 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H theo thủ tục phúc thẩm.

Người khởi kiện được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giữ nguyên một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Rút một phần kháng nghị về việc đề nghị xác định Ủy ban nhân dân huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và đề nghị đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H. Do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Luật tố tụng hành chính.

[2] Bà Dương Bé S khởi kiện Quyết định số: 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của ạc Liêu là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 3 của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội; Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội. Bà Dương Bé S khởi kiện bổ sung ngày 18/01/2017 đối với Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện H, Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu thấy rằng:

Phần đất 1.075m<sup>2</sup> trước năm 1975 do chế độ Sài Gòn quản lý, sử dụng, sau năm 1975 chính quyền cách mạng quản lý, sau đó sử dụng làm Trạm y tế và trụ sở UBND thị trấn N, đến khoảng năm 1985 UBND thị trấn N cho vợ chồng ông Bùi Văn H, bà Dương Bé S mượn một phần đất để cất nhà ở, khi cho mượn không làm giấy tờ, trong thời gian sử dụng đất vợ chồng ông Bùi Văn H lần thêm phần diện tích đất liền

kề nên phần đất có tổng diện tích 1.075m<sup>2</sup>. Năm 1993 ông Bùi Văn H làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, được Hội đồng đăng ký đất đai xã ký phê duyệt ngày 24/4/1994 cùng với Biên bản xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 26/4/1994, Tờ trình phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 27/4/1994. Vì vậy ngày 27/8/1997 UBND huyện H ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 525/QĐ-UB và danh sách kèm theo có tên ông Bùi Văn H. Trong thời gian chờ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Bùi Văn H chết, nên UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Bé S diện tích 1.075m<sup>2</sup> thuộc thửa 271 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.075m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N là phù hợp với quy định của pháp luật. Năm 2002 UBND huyện H tiến hành san lấp phần đất của bà Dương Bé S thuộc thửa 271 diện tích 954,6m<sup>2</sup> đất để quy hoạch làm khu dân cư, phân lô nên nhà cho cán bộ huyện H. Nhưng không có quyết định thu hồi đất và không lập phương án bồi thường đối với phần đất bị thu hồi và tài sản gắn liền trên đất là chưa phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 1993 và các Điều 6, 16 của Nghị định 22/1998/NĐ-CP Ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Dương Bé S.

Bà Dương Bé S có đơn khiếu nại, ngày 03/3/2006 UBND huyện H ban hành Quyết định số 107/QĐ- UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho bà Dương Bé S với diện tích 120,4m<sup>2</sup> để sử dụng vào mục đích làm nhà ở. Không đồng ý nên bà Dương Bé S khiếu nại và đến ngày 25/6/2009 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số: 19/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 giải quyết khiếu nại của bà Dương Bé S đối với Quyết định số 107/QĐ- UBND ngày 03/3/2006 của Chủ tịch UBND huyện H và bác đơn khiếu nại của bà Dương Bé S. Không đồng với Quyết định số: 19/QĐ-UBND nên bà Dương Bé S tiếp tục khiếu nại và ạc Liêu ban hành Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) với nội dung: Chấp nhận một phần đơn khai của bà Dương Bé S về nội dung không thu tiền sử dụng đất có diện tích 120,4m<sup>2</sup> hiện gia đình đang sử dụng; Hủy quyết định số: 19/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của Chủ tịch UBND huyện H; không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Bé S yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 954,6m<sup>2</sup> mà UBND huyện H san lấp phân lô giao cho cán bộ có thu tiền sử dụng đất.

Bà Dương Bé S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 954,6m<sup>2</sup> đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đến ngày 30/9/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2013/QĐST-HC do bà Dương Bé S rút đơn khởi kiện. Do không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nên bà Dương Bé S khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 11/10/2013 ạc Liêu ban hành Quyết định số 2198/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Dương Bé S (lần 2) có nội dung: Thu hồi Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; Hủy Quyết định số: 19/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của Chủ tịch UBND huyện H; Giao Chủ tịch UBND huyện H giải quyết lại vụ việc theo thẩm quyền và đúng trình

tự quy định của pháp luật. Do đó ngày 19/12/2013 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Bé S yêu cầu bồi thường diện tích 1.075m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn N; giao cho bà Dương Bé S sử dụng 120,4m<sup>2</sup> đất không có thu tiền sử dụng đất; không chấp nhận yêu cầu bồi thường tài sản trên đất.

Đến ngày 12/10/2016 Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định Giám đốc thẩm số: 10/2016/HC-GĐT Ngày 12/10/2016 hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số: 10/2013/QĐST-HC ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bé S tuyên xử hủy mục 1 và mục 3 Điều 3; Điều 3 của Quyết định 11/QĐ-UBND Ngày 19/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện H là có căn cứ phù hợp với nhận định trên. Riêng đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của ạc Liêu đã được ạc Liêu đã ban hành tại Quyết định số: 2198/QĐ-UBND Ngày 11/10/2013 về việc thu hồi Quyết định số 2980/QĐ-UBND của chủ tịch UBND tỉnh B đồng thời hủy Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của Chủ tịch UBND huyện H (BL 41-43) nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 2980/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của ạc Liêu là phù hợp. Do không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4] Đối với yêu cầu buộc thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Xét thấy tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định: “ *Hội đồng xét xử có thẩm quyền... buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật...* ”. Nhưng án sơ thẩm tuyên buộc Chủ tịch UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với yêu cầu của bà Dương Bé S đòi bồi thường giá trị đất diện tích 954,6m<sup>2</sup> đất và bồi thường tài sản gắn trên đất khi bị thu hồi là chưa phù hợp theo quy định.

Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm: Hủy mục 1 và mục 3 Điều 3; Điều 3 của Quyết định 11/QĐ-UBND Ngày 19/12/2013 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị Bé S; Buộc UBND huyện H, tỉnh Bạc Liêu thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 229; khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị về việc đề nghị xác định Ủy ban nhân dân huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và đề nghị đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số: 02/20217/HC-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bé S (Dương Thị Bé S)

2.1. Hủy mục 1 và mục 3 Điều 3; Điều 3 của Quyết định 11/QĐ-UBND Ngày 19/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị Bé S.

2.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Thúy Hồng**